

Số: 144 /QĐ-SKH

Lào Cai, ngày 13 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015**

**GIÁM ĐỐC SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính Phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 (phiên bản tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015) vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-SKH ngày 16/9/2020 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai về việc ban hành và áp dụng Hệ thống tài liệu quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015;

Xét đề nghị của Ban chỉ đạo ISO,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015 phù hợp Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số: 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/03/2014 của Thủ tướng Chính Phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 (phiên bản tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015) vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

**Điều 2.** Các bộ phận chuyên môn và cán bộ, công chức Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai.

**Điều 3.** Ban chỉ đạo ISO, Tổ thư ký, Trưởng các phòng, các cán bộ, công chức thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VP, ISO.



**GIÁM ĐỐC**



**Phan Trung Bá**

**BẢN CÔNG BỐ**  
**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH LÀO CAI**



**Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại  
Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai phù hợp  
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và phù hợp với chức năng  
nhiệm vụ và đáp ứng 100% thủ tục hành chính áp dụng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 144 /QĐ-SKH ngày 13 tháng 11 năm 2020  
của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai)*

**Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.**

Lào Cai, ngày 13 tháng 11 năm 2020

**GIÁM ĐỐC**

**Phan Trung Bá**



**DANH MỤC TÀI LIỆU**

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001:2015

TẠI SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH LÀO CAI

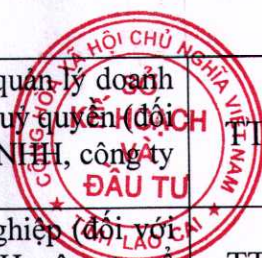
(Ban hành kèm theo Quyết định số 417/QĐ-SKH ngày 13 tháng 11 năm 2020  
của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai)

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành				Ghi chú
			1	2	3	4	
<b>A. MÔ HÌNH HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG</b>							
1.	Mô hình hệ thống quản lý chất lượng - Chính sách Chất lượng - Mục tiêu chất lượng - Bảng nhận diện, đánh giá, giải quyết rủi ro và cơ hội	MHHTQLCL CSCL MTCL BPTBCQTRR	x				
2.	Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu, hồ sơ)	HD.01	x				
3.	Hướng dẫn quản lý rủi ro, cơ hội	HD.02	x				
4.	Hướng dẫn đánh giá nội bộ	HD.03	x				
5.	Hướng dẫn kiểm soát sự KPH và HDKP	HD.04	x				
<b>B. QUY TRÌNH QUẢN LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG NỘI BỘ</b>							
6.	Xem xét của lãnh đạo về Hệ thống quản lý chất lượng	QTNB.01	x				
<b>C. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>							
<b>I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP</b>							
<b>Mục 1. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp</b>							
7.	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	TTHC.01101	x				
8.	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	TTHC.01102	x				
9.	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	TTHC.01103	x				
10.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	TTHC.01104	x				
11.	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	TTHC.01105	x				
12.	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	TTHC.01106	x				
13.	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	TTHC.01107	x				
14.	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	TTHC.01108	x				



15.	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	TTHC.01109	x				
16.	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	TTHC.01110	x				
17.	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	TTHC.01111	x				
18.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức	TTHC.01112	x				
19.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước	TTHC.01113	x				
20.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế	TTHC.01114	x				
21.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	TTHC.01115	x				
22.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp	TTHC.01116	x				
23.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác	TTHC.01117	x				
24.	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích	TTHC.01118	x				
25.	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác	TTHC.01119	x				
26.	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	TTHC.01120	x				
27.	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	TTHC.01121	x				
28.	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần	TTHC.01122	x				
29.	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	TTHC.01123	x				
30.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	TTHC.01124	x				





31.	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo ủy quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	TTHC.01125	x				
32.	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	TTHC.01126	x				
33.	Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	TTHC.01127	x				
34.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	TTHC.01128	x				
35.	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	TTHC.01129	x				
36.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	TTHC.01130	x				
37.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động	TTHC.01131	x				
38.	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	TTHC.01132	x				
39.	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	TTHC.01133	x				
40.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	TTHC.01134	x				
41.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	TTHC.01135	x				
42.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	TTHC.01136	x				
43.	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)	TTHC.01137	x				
44.	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	TTHC.01138	x				



45.	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp	TTHC.01139	x				
46.	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp	TTHC.01140	x				
47.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp	TTHC.01141	x				
48.	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp	TTHC.01142	x				
49.	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp	TTHC.01143	x				
50.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp	TTHC.01144	x				
51.	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	TTHC.01145	x				
52.	Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	TTHC.01146	x				
53.	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần	TTHC.01147	x				
54.	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	TTHC.01148	x				
55.	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	TTHC.01149	x				
56.	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn	TTHC.01150	x				
57.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	TTHC.01151	x				
58.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	TTHC.01152	x				
59.	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp	TTHC.01153	x				
60.	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng	TTHC.01154	x				
61.	Thông báo tạm ngừng kinh doanh	TTHC.01155	x				
62.	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	TTHC.01156	x				
63.	Giải thể doanh nghiệp	TTHC.01157	x				
64.	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	TTHC.01158	x				
65.	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	TTHC.01159	x				
66.	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	TTHC.01160	x				
	<b>Mục 2. Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu</b>						
67.	Tạm ngừng kinh doanh công ty TNHH một thành viên	TTHC.01201	x				
	<b>Mục 3. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp xã hội</b>						



68.	Thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	TTHC.01301	x				
69.	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	TTHC.01302	x				
70.	Thông báo chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	TTHC.01303	x				
71.	Thông báo tiếp nhận viện trợ, tài trợ	TTHC.01304	x				
72.	Thông báo thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ	TTHC.01305	x				
73.	Công khai hoạt động của doanh nghiệp xã hội	TTHC.01306	x				
74.	Cung cấp thông tin, bản sao Báo cáo đánh giá tác động xã hội và Văn bản tiếp nhận viện trợ, tài trợ	TTHC.01307	x				
75.	Chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành Doanh nghiệp xã hội	TTHC.01308	x				
<b>II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ</b>							
76.	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã	TTHC.02101	x				
77.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	TTHC.02102	x				
78.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	TTHC.02103	x				
79.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	TTHC.02104	x				
80.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia	TTHC.02105	x				
81.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách	TTHC.02106	x				
82.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	TTHC.02107	x				
83.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	TTHC.02108	x				
84.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	TTHC.02109	x				
85.	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã	TTHC.02110	x				
86.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	TTHC.02111	x				
87.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	TTHC.02112	x				
88.	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	TTHC.02113	x				
89.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	TTHC.02114	x				
90.	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã	TTHC.02115	x				
<b>III. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM</b>							
<b>Mục 1. Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>							





91.	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	TTHC.03101	x				
92.	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	TTHC.03102	x				
93.	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	TTHC.03103	x				
94.	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	TTHC.03104	x				
95.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	TTHC.03105	x				
96.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	TTHC.03106	x				
97.	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	TTHC.03107	x				
98.	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)	TTHC.03108	x				
99.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	TTHC.03109	x				
100.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	TTHC.03110	x				
101.	Chuyển nhượng dự án đầu tư	TTHC.03111	x				
102.	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	TTHC.03112	x				
103.	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài	TTHC.03113	x				
104.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	TTHC.03114	x				
105.	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	TTHC.03115	x				
106.	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	TTHC.03116	x				
107.	Giãn tiến độ đầu tư	TTHC.03117	x				
108.	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư	TTHC.03118	x				
109.	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	TTHC.03119	x				
110.	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	TTHC.03120	x				
111.	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	TTHC.03121	x				
112.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	TTHC.03122	x				



113.	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư	TTHC.03123	x					
114.	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư	TTHC.03124	x					
115.	Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài	TTHC.03125	x					
<b>Mục 2. Cơ quan khác</b>								
116.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	TTHC.03201	x					
117.	Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)	TTHC.03202	x					
118.	Thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài	TTHC.03203	x					
<b>IV. ĐÀU THẦU</b>								
<b>Lựa chọn nhà đầu tư</b>								
<b>Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư</b>								
119.	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án do nhà đầu tư đề xuất	TTHC.04101	x					
120.	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do nhà đầu tư đề xuất	TTHC.04102	x					
121.	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án do nhà đầu tư đề xuất	TTHC.04103	x					
122.	Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất	TTHC.04104	x					
<b>V. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) VÀ VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI</b>								
<b>Mục 1. Nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài</b>								
123.	Tiếp nhận dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	TTHC.05101	x					
124.	Tiếp nhận dự án đầu tư sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	TTHC.05102	x					
125.	Tiếp nhận chương trình sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	TTHC.05103	x					
126.	Tiếp nhận nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) dưới hình thức phi dự án	TTHC.05104	x					
<b>Mục 2. Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vay ưu đãi của các nhà tài trợ</b>								
127.	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	TTHC.05201	x					



128.	Lập, thẩm định và quyết định phê duyệt Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại	TTHC.05202	x					
129.	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	TTHC.05203	x					
130.	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm	TTHC.05204	x					
131.	Xác nhận chuyên gia	TTHC.05205	x					
132.	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	TTHC.05206	x					
133.	Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách chung do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản	TTHC.05207	x					
134.	Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách có mục tiêu	TTHC.05208	x					
<b>VI. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN</b>								
135.	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ	TTHC.06101	x					
<b>VII. LĨNH VỰC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA</b>								
<b>Mục 1. Thành lập và hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo</b>								
136.	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	TTHC.07101	x					
137.	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	TTHC.07102	x					
138.	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	TTHC.07103	x					
139.	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	TTHC.07104	x					
140.	Thủ tục thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư	TTHC.07105	x					
<b>Mục 2. Thủ tục về đề nghị hỗ trợ tư vấn</b>								
141.	Thủ tục đề nghị hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn	TTHC.07201	x					
142.	Thủ tục đăng ký vào mạng lưới tư vấn viên	TTHC.07202	x					
143.	Thủ tục hỗ trợ tư vấn hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp	TTHC.07203	x					



